

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-PT

Ngày: 21-02-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng  
và xử lý tài sản thế chấp

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Hà Ngân

Ông Trần Khắc Hoàng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Khánh Chi - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:*** Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/TBTL-TA ngày 17 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 07/02/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng TMCP V (V).** Địa chỉ: Số T, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ ngân hàng V. Địa chỉ: LK1-10, dự án đầu tư xây dựng K, khối Y, phường H, thành phố V, Nghệ An. *Có mặt.*

- ***Bị đơn:*** **Công ty TNHH T.** Địa chỉ: Nhà ông Nguyễn Văn A – Thôn N, xã C, huyện C, Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975. Chức vụ: Giám đốc công ty. Địa chỉ: Khối phố T, phường Đ, thành phố H, Hà Tĩnh. *Vắng*

*mặt*. Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: Số B, N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975. Chức vụ: Giám đốc công ty. Địa chỉ: Khối phố T, phường Đ, thành phố H, Hà Tĩnh. *Vắng mặt*.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975. Chức vụ: Giám đốc công ty. Địa chỉ: Khối phố T, phường Đ, thành phố H, Hà Tĩnh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của và trong quá trình giải quyết vụ án - Ngân hàng TMCP V trình bày*: Trong các năm 2017, 2019 và 2021 Ngân hàng TMCP V (viết tắt: V) đã cho Công ty TNHH T (Viết tắt: Công ty T) vay với tổng số tiền **1.629.000.000đồng**, theo các hợp đồng cụ thể như sau:

- ***Hợp đồng cho vay số 280417-3540311-01-SME ngày 28/4/2017, phụ lục hợp đồng cùng các khế ước nhận nợ kèm theo***: Số tiền vay **429.000.000** đồng, thời hạn vay 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Mua xe ô tô tải phục vụ kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 7.8%/năm ưu đãi trong 12 tháng đầu tiên, sau 12 tháng điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần theo mức tính: lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh +4%/năm; Lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

- ***Hợp đồng cho vay hạn mức số HTH/19012 ngày 14/10/2019, phụ lục hợp đồng cùng các khế ước nhận nợ kèm theo***: Số tiền vay: 500.000.000đồng; Thời hạn vay: 14 tháng; Các kỳ hạn trả nợ: lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế, gốc trả hàng tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn phục vụ kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 22.6%/năm, mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi theo phương thức tính lãi được quy định tại hợp đồng cho vay với một năm là 365 ngày. Mức lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14/11/2019. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của V do Hội sở chính của V tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng (+) biên độ 15%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

- ***Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số HTH/19013 ngày 14/10/2019***: Số tiền vay: 200.000.000đồng; Thời hạn vay: 24 tháng; Lãi suất trong hạn: 22.5%/năm, mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi theo phương thức tính lãi được quy định tại hợp đồng cho vay với một năm là 365 ngày. Lãi suất cho vay trong hạn được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì hạn mức vay thấu chi ngoại trừ trường hợp bị điều chỉnh khi vượt hạn mức thấu chi; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

**- Hợp đồng cho vay hạn mức số HTH/21006 ngày 10/3/2021; kế ước nhận nợ số: HTH/21006-01 ngày 17/3/2021; kế ước nhận nợ số: HTH/21006-02 ngày 18/3/2021; kế ước nhận nợ lần số: HTH-03 ngày 19/3/2021:**

+ **Kế ước nhận nợ lần số: HTH/21006-01 ngày 17/3/2021:** Số tiền vay: 58.500.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Các kỳ hạn trả nợ: lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế, gốc trả hàng tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh; Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 10,9%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức tính: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh (+) 4,5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ **Kế ước nhận nợ lần số: HTH/21006-02 ngày 18/3/2021:** Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Các kỳ hạn trả nợ: lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế; gốc trả hàng tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh; Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 16%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức tính: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh (+) 9,6%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ **Kế ước nhận nợ lần số: HTH/21006-03 ngày 19/3/2021:** Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Các kỳ hạn trả nợ: lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế; gốc trả hàng tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh; Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 16%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức tính: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh (+) 9,6%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

**- Hợp đồng cho vay hạn mức số HTH/21007 ngày 10/3/2021; kế ước nhận nợ số HTH/21007-01 ngày 15/3/2021; kế ước nhận nợ số HTH/21007-02 ngày 16/3/2021; kế ước nhận nợ số HTH/21007-03 ngày 17/3/2021:**

+ **Kế ước nhận nợ lần số HTH/21007-01 ngày 15/3/2021:** Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Các kỳ hạn trả nợ: lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế, gốc trả hàng tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh; Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 10,9%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức tính: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh (+) 4,5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ **Kế ước nhận nợ lần số HTH/21007-02 ngày 16/3/2021:** Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Các kỳ hạn trả nợ: lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế, gốc trả hàng tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh; Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 10,9%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức tính: Lãi suất bán vốn của bên Ngân

hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh (+) 4,5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ **Khế ước nhận nợ lần số: HTH/21007-03 ngày 17/3/2021:** Số tiền vay: 41.500.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Các kỳ hạn trả nợ: lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế, gốc trả hàng tháng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh; Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 10,9%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức tính: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh (+) 4,5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Công ty T và bà Nguyễn Thị T đã tự nguyện dùng các tài sản của mình để thế chấp tại V, cụ thể:

- **Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 280417-3540311-01-SME/TC ngày 28/4/2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp ngày 10/3/2021 giữa V với Công ty T:** Công ty T thế chấp chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANMIGHTY, BKS: 38C-0XX.YY, số khung 17BPHD002253; số máy D4DBGJ629988 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016838 do Phòng CSGT Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 07/4/2017 đứng tên Công ty TNHH T

- **Theo Hợp đồng bảo lãnh số HTH/19012/HDBL ngày 14/10/2019; Hợp đồng bảo lãnh số HTH/21006 ngày 10/3/2021:** Bà Nguyễn Thị T đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm: Nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng V phát sinh từ tất cả các hợp đồng và các khế ước nhận nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 25/01/2021. Tạm tính đến ngày 28/9/2022, Công ty T còn nợ V số tiền theo các hợp đồng và khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 280417-3540311-01-SME ngày 28/4/2017: Tổng số tiền là 117.751.529 đồng, trong đó: Tiền gốc: 96.274.975 đồng; tiền lãi: 19.136.775 đồng; lãi phạt: 1.702.391 đồng; lãi ưu đãi: 637.388 đồng;

- Hợp đồng cho vay hạn mức số HTH/19012 ngày 14/10/2019: Tổng số tiền là 23.643.646 đồng, trong đó: Tiền gốc: 0 đồng; tiền lãi: 19.117.141 đồng; lãi phạt: 4.526.505 đồng;

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số HTH/19013 ngày 14/10/2019: Tổng số tiền là 305.020.202 đồng, trong đó: Tiền gốc: 198.315.121 đồng; tiền lãi: 92.787.027 đồng; lãi phạt: 13.918.054 đồng;

- Khế ước nhận nợ số: HTH/21006-01 ngày 17/3/2021: Tổng số tiền là 55.337.336 đồng, trong đó: Tiền gốc: 30.961.452 đồng; tiền lãi: 22.323.995 đồng; lãi phạt: 2.051.889 đồng;

- Khế ước nhận nợ số: HTH/21006-02 ngày 18/3/2021: Tổng số tiền là 139.150.382 đồng, trong đó: Tiền gốc: 100.000.000 đồng; tiền lãi: 36.098.630 đồng; lãi phạt: 3.051.752 đồng;

- Khế ước nhận nợ số: HTH/21006-03 ngày 19/3/2021: Tổng số tiền là 139.043.837 đồng, trong đó: Tiền gốc: 100.000.000 đồng; tiền lãi: 36.054.795 đồng; lãi phạt: 2.989.043 đồng;

- Khế ước nhận nợ số: HTH/21007-01 ngày 15/3/2021: Tổng số tiền là 126.778.839 đồng, trong đó: Tiền gốc: 100.000.000 đồng; tiền lãi: 24.681.781 đồng; lãi phạt: 2.097.059 đồng;

- Khế ước nhận nợ số: HTH/21007-02 ngày 16/3/2021: Tổng số tiền là 126.866.502 đồng, trong đó: Tiền gốc: 100.000.000 đồng; tiền lãi: 24.791.901 đồng; lãi phạt: 2.074.602 đồng;

- Khế ước nhận nợ số: HTH/21007-03 ngày 17/3/2021: Tổng số tiền là 29.012.250 đồng, trong đó: Tiền gốc: 21.477.000 đồng; tiền lãi: 6.887.321 đồng; lãi phạt: 647.928 đồng;

Như vậy, tổng số tiền Công ty T còn nợ V tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 1.062.604.524 đồng, trong đó:

- Nợ khoản vay thấu chi: Tổng 305.020.202 đồng, trong đó: Nợ gốc 198.315.121 đồng; Nợ lãi 92.787.027 đồng; Nợ chậm trả lãi 13.918.054 đồng;

- Nợ khoản vay theo hợp đồng cho vay và hợp đồng cho vay hạn mức: Tổng 757.584.322 đồng, trong đó: Nợ gốc 548.713.427 đồng; Nợ lãi 189.092.340 đồng; Nợ chậm trả lãi 19.141.168 đồng; Lãi ưu đãi 637.388 đồng;

V yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty T phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh, lãi suất bổ sung cho các khoản vay được hưởng chế định lãi suất ưu đãi liên quan theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cho vay nêu trên. Tạm tính đến ngày 28/9/2022 với tổng số tiền là 1.062.604.524 đồng.

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng và các khế ước nhận nợ cho đến khi Công ty T thanh toán hết nợ.

- Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANHMIGHTY, biển kiểm soát 38C-0XX.YY, số khung 17BPHD002253, số máy D4DBGJ629988 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016838 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày đứng tên Công ty TNHH T và đồng thời V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của Công ty T và bà Nguyễn Thị T để thu hồi khoản vay.

Tại cấp sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của Công

ty T để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty T không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho V.

*Tại biên bản lấy lời khai; biên bản làm việc; biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:*

- Công ty TNHH T vay của Ngân V theo Hợp đồng cho vay số 280417-3540311-01-SME ngày 28/4/2017; Hợp đồng cho vay hạn mức HTH/19012 ngày 14/10/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số HTH/19013 ngày 14/10/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số HTH/21006 ngày 10/3/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số HTH/21007 với tổng số tiền tính đến ngày 22/4/2022 là 978.624.868 đồng, trong đó: Nợ khoản thẻ thấu chi là 276.872.905 đồng, nợ gốc là 548.713.427 đồng, nợ lãi là 142.303.467 đồng, nợ lãi chậm trả 10.097.682 đồng, lãi ưu đãi 637.388 đồng.

Công ty T đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi; Công ty cam đoan sẽ thanh toán toàn bộ tiền gốc cho Ngân hàng trong thời hạn 10 tháng kể từ ngày bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật. Nếu công ty không trả số tiền nợ gốc nói trên thì V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các hợp đồng đã ký kết, cụ thể: Chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANHMIGHTY, biển kiểm soát 38C-0XX.YY, số khung 17BPHD002253, số máy D4DBGJ629988 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016838 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày đứng tên Công ty TNHH T và đồng thời V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T để thu hồi khoản vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập; Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp nhưng không được, vì người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đưa xe đến công ty để Tòa án xem xét, thẩm định. Người đại diện theo pháp luật của Công ty T cho biết, tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANHMIGHTY, biển kiểm soát 38C-0XX.YY hiện đang phục vụ hoạt động kinh doanh, xe vẫn hoạt động bình thường, tình trạng, đặc điểm kỹ thuật không thay đổi so với thời điểm thế chấp. Nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục xem xét thẩm định lần 2, đề nghị Công ty T bảo quản, sử dụng tài sản thế chấp đúng mục đích như hợp đồng thế chấp đã ký kết. Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 06/6/2022 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Tĩnh phản ánh: Chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANHMIGHTY, biển kiểm soát 38C-0XX.YY, chủ xe: Công ty TNHH T, ngày đăng ký lần đầu: 07/4/2017, đăng ký xe có giá trị: 31/12/2042, trạng thái xe: đang lưu hành.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện C, Hà Tĩnh đã căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 292, 298, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 342, 343, 385, 386, 398, 463, B, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 16 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức

tín dụng; Điều 4, 10 và Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH T để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho Ngân hàng TMCP V.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

+ Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tính đến ngày 28/9/2022 là **1.062.604.524** đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm linh bốn nghìn năm trăm hai bốn đồng*), trong đó: Nợ khoản vay thấu chi là 305.020.202 đồng (Nợ gốc: 198.315.121 đồng; Nợ lãi: 92.787.027 đồng; Nợ chậm trả lãi: 13.918.054 đồng); Nợ khoản vay theo hợp đồng cho vay và hợp đồng cho vay hạn mức là 757.584.322 đồng (Nợ gốc: 548.713.427 đồng; Nợ lãi: 189.092.340 đồng; Nợ chậm trả lãi: 19.141.168 đồng; Lãi ưu đãi: 637.388 đồng).

+ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2022) cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty TNHH T còn phải chịu khoản **tiền lãi** của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký kết.

+ Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANMIGHTY, biển kiểm soát 38C-0XX.YY, số khung 17BPHD002253, số máy D4DBGJ629988 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016838 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày đứng tên Công ty TNHH T và đồng thời Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 18/10/2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH T và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH T.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ theo quy định pháp luật, bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên nội dung Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 mà Tòa án nhân dân huyện C, Hà Tĩnh đã tuyên.

Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo vào trình bày vì lý do dịch bệnh Covid nên công ty gặp nhiều khó khăn nhưng ngân hàng VP Bank vẫn thu lãi cao đều, tháng 3/2021, có khoản nợ gốc 500 triệu đến hạn, công ty báo làm lại cơ cấu cho công ty nhưng nhân viên tín dụng trình chậm làm ngân hàng phạt lãi 39.246.876đồng, công ty không chịu khoản lãi này nên đã bị nhảy nhóm toàn bộ hệ thống ngân hàng do nợ xấu. Tuy nhiên, công ty vẫn thanh toán nợ hàng táng chứ không có việc không hợp tác trả nợ. Công ty cũng không đồng ý cách tính lãi suất của ngân hàng. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện C, Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp*" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng cho vay số 280417-3540311-01-SME ngày 28/4/2017; Hợp đồng cho vay hạn mức HTH/19012 ngày 14/10/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số HTH/19013 ngày 14/10/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số HTH/21006 ngày 10/3/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số HTH/21007 ngày 10/3/2021 và các khế ước nhận nợ giữa V và Công ty T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi suất quá hạn, phương thức trả nợ phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì các hợp đồng nói trên có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn thừa nhận phía bị đơn đã ký kết các hợp đồng và các khế ước nhận nợ trên với nguyên đơn.



Sau khi vay vốn, do hoạt động gặp nhiều khó khăn nên Công ty T không có điều kiện trả nợ đúng theo hợp đồng đã ký kết. Kể từ ngày 25/01/2021 Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V. Công ty T không hề có động thái gì để trả nợ dù V đã nhiều lần mời các bên có liên quan đến làm việc để bàn cách tháo gỡ, phương án trả nợ.

Do đó, việc V khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền nợ theo các hợp đồng và các khế ước nhận nợ đã ký kết, tạm tính đến ngày 28/9/2022 là **1.062.604.524 đồng** là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2022) đến ngày Công ty T trả hết nợ:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đề nghị V xem xét miễn toàn bộ tiền lãi và xin được trả toàn bộ tiền gốc trong thời hạn 10 tháng kể từ ngày quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên, V không chấp nhận đề nghị này. Căn cứ vào các hợp đồng và các khế ước nhận nợ kèm theo cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy sự thỏa thuận về tiền lãi của các bên là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

[2.3.1] *Tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANHMIGHTY, biển kiểm soát 38C-0XX.YY, số khung 17BPHD002253, số máy D4DBGJ629988 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016838 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày đứng tên Công ty TNHH T:*

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp 280417-3540311-01-SME/TC ngày 28/4/2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp ngày 10/3/2021 giữa V với Công ty T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, không bị lừa dối; nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng; trình tự, thủ tục thế chấp đúng quy định tại các Điều 298, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Vì vậy, nếu Công ty T không trả được nợ thì V được yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[2.3.2] *Tài sản thế chấp là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T:*

Hợp đồng bảo lãnh số HTH/19012/HDBL ngày 14/10/2019; Hợp đồng bảo lãnh số HTH/21006 ngày 10/3/2021 được ký kết trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định của pháp luật về bảo lãnh. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, người ký hợp đồng thế chấp là bà Nguyễn Thị T đã thừa nhận các nội dung trong hợp đồng thế chấp đã ký kết, ký kết tự nguyện, đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, trong trường hợp Công ty T

không thanh toán được nợ cho V thì V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ.

[2.3.3] *Tài sản thế chấp là tài sản thuộc sở hữu của Công ty T:*

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của Công ty T để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty T không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho V. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Cấp sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này theo Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật.

[2.4] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn Công ty TNHH T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Từ các nhận định trên, xét thấy tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đảm bảo đầy đủ các thủ tục tố tụng, đánh giá các chứng cứ đầy đủ, việc giải quyết quan hệ pháp luật tranh chấp là có căn cứ nên giữ nguyên án sơ thẩm và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 24, khoản 1, 3 Điều 26, Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH T phải chịu 43.878.136 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền 19.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai số 0008851 ngày 05/4/2022.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện C, Hà Tĩnh.

Căn cứ Điều 30, 35, 39, 147, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 292, 298, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 342, 343, 385, 386, 398, 463, B, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 16 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, 10 và Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH T để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho Ngân hàng TMCP V.

**2.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

+ Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ tính đến ngày 28/9/2022 là 1.062.604.524 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm linh bốn nghìn năm trăm hai bốn đồng*), trong đó: Nợ khoản vay thấu chi là 305.020.202 đồng (Nợ gốc: 198.315.121 đồng; Nợ lãi: 92.787.027 đồng; Nợ chậm trả lãi: 13.918.054 đồng); Nợ khoản vay theo hợp đồng cho vay và hợp đồng cho vay hạn mức là 757.584.322 đồng (Nợ gốc: 548.713.427 đồng; Nợ lãi: 189.092.340 đồng; Nợ chậm trả lãi: 19.141.168 đồng; Lãi ưu đãi: 637.388 đồng).

+ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2022) cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty TNHH T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký kết.

+ Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANMIGHTY, biển kiểm soát 38C-0XX.YY, số khung 17BPHD002253, số máy D4DBGJ629988 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016838 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày đứng tên Công ty TNHH T và đồng thời Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ.

**3.** Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH T phải chịu 43.878.136 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền 19.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai số 0008851 ngày 05/4/2022.

- Án phí phúc thẩm: Buộc Công ty TNHH T phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0008949 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Công ty TNHH T phải nộp tiếp 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- TA, THA cấp sơ thẩm;
- Lưu HSVA, Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**